

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Chủ tịch
Ông Mai Ngọc Khoa	Thành viên
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Thùy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Út Thơ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Số: 56/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Lê Việt Hà
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2019-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.335.381.815	35.944.240.609
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.890.839.421	1.981.755.295
1. Tiền	111	4.1	2.890.839.421	1.981.755.295
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.658.510.684	9.662.483.675
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	5.704.371.976	9.836.294.149
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.506.537.203	344.993.381
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		96.000.000	129.594.640
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(648.398.495)	(648.398.495)
III. Hàng tồn kho	140	4.4	20.710.899.668	24.143.568.099
1. Hàng tồn kho	141		20.876.120.048	24.372.244.409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(165.220.380)	(228.676.310)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		75.132.042	156.433.540
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.132.042	129.292.016
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	27.141.524
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.674.752.805	8.803.049.828
I. Tài sản cố định	220		7.374.358.682	7.929.460.634
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	5.834.358.682	6.389.460.634
Nguyên giá	222		13.530.731.181	13.888.686.463
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.696.372.499)	(7.499.225.829)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	1.540.000.000	1.540.000.000
Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(120.000.000)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	420.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	523.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(103.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		300.394.123	453.589.194
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		300.394.123	453.589.194
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.010.134.620	44.747.290.437

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.768.010.280	24.039.301.006
I. Nợ ngắn hạn	310		16.768.010.280	24.039.301.006
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	6.537.699.279	8.896.653.302
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.8	911.580.672	562.080.305
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	550.734.463	390.678.927
4. Phải trả người lao động	314	4.10	5.202.503.338	2.731.331.084
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		511.596.794	200.090.030
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		246.200.000	9.280.894
7. Vay ngắn hạn	320	4.11	2.200.000.000	10.743.307.119
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		607.695.734	505.879.345
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.242.124.340	20.707.989.431
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	21.242.124.340	20.707.989.431
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.310.600.000	12.310.600.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.060.000	1.231.060.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.148.064.340	6.613.929.431
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.382.869.431	5.015.509.102
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.765.194.909	1.598.420.329
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		38.010.134.620	44.747.290.437



Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Lâm Nhật Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		151.168.961.304	116.787.122.787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		6.375.717.903	4.180.716.849
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	144.793.243.401	112.606.405.938
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	118.732.609.483	93.181.679.988
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.060.633.918	19.424.725.950
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		213.880.032	132.828.974
7. Chi phí tài chính	22		479.199.158	311.940.531
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		447.995.136	371.940.531
8. Chi phí bán hàng	25	5.3	17.662.746.749	13.350.148.732
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	5.427.133.711	3.803.972.480
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.705.434.332	2.091.493.181
11. Thu nhập khác	31	5.5	1.569.675.391	104.617.882
12. Lợi nhuận khác	40		1.569.675.391	104.617.882
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.275.109.723	2.196.111.063
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	679.414.425	207.122.178
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.595.695.298	1.988.988.885
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	2.434	1.298
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	2.434	1.298

**Lâm Văn Nguyễn Huy**
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Lâm Nhật Minh
Kế toán trưởng**Nguyễn Thùy Linh**
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.275.109.723	2.196.111.063
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	555.101.952	536.526.462
Các khoản dự phòng	03		(166.455.930)	(95.263.143)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(171.957.121)	(132.828.974)
Chi phí lãi vay	06		447.995.136	371.940.531
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.939.793.760	2.876.485.939
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.031.114.515	(5.602.444.542)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.496.124.361	(5.497.346.365)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		770.125.969	(220.702.983)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		207.355.045	47.063.746
Tiền lãi vay đã trả	14		(455.014.788)	(361.666.085)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(518.520.738)	(367.403.162)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(497.624.000)	(299.086.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.973.354.124	(9.425.100.270)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(752.408.940)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		33.000.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		659.678.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.279.121	132.828.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		694.957.121	(619.579.966)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

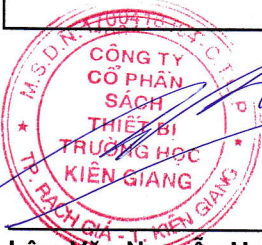
Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	24.531.511.033	31.766.843.404
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(33.074.818.152)	(21.023.536.285)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.215.920.000)	(2.462.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.759.227.119)	8.281.187.119
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		909.084.126	(1.763.493.117)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.981.755.295	3.745.248.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	2.890.839.421	1.981.755.295

**Lâm Văn Nguyễn Huy**
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Lâm Nhật Minh
Kế toán trưởng**Nguyễn Thùy Linh**
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang	2.462.000.000	20,00	2.462.000.000	20,00
Công nhân viên	2.721.580.000	22,00	4.047.140.000	33,00
Đối tượng khác	7.127.020.000	58,00	5.801.460.000	47,00
Cộng	12.310.600.000	100,00	12.310.600.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 89 (31/12/2021: 88).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sách, thiết bị trường học.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất bản sách (5811);
- Sản xuất điện (3511);
- Truyền tải và phân phối điện (3512);
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (1702);
- In ấn (1811);
- Dịch vụ liên quan đến in (1812);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi), máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (4669);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán buôn vali, cặp, túi, ví hàng da và giả da khác, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm sứ, thủy tinh, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ dùng khác cho gia đình (4649);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (4651);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (4721);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (4722);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân đầu vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (4761);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh (4763);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (4764);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (4773);
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (4799);
- Lập trình máy vi tính (6201);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (9511);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (4723);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (4742);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (4762);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả trong các cửa hàng chuyên doanh (4771);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (4791);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (5813);
- Xuất bản phần mềm (5820);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (6202);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan tới máy vi tính (6209);
- Photo, chuẩn bị tài liệu, hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (8219);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (9512);
- Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (4741);
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: hoạt động của các điểm truy cập internet [chỉ được cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến ở các điểm cách cổng ra vào của trường học (từ tiểu học đến trung học phổ thông) tối thiểu 200 mét] (6190);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (4752).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 27 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 09 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp;
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 15 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp;
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 07 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 07 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bìa (giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (giá bán) và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 06 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô E16-57, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (08 năm).

3.7. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.9. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

3.10. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí đi vay vốn.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Khoản 3, Điều 19, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|---|-----------------|
| ▪ Sách giáo khoa | Không chịu thuế |
| ▪ Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa) | 5% |
| ▪ Hàng mỹ phẩm và các thiết bị điện tử như máy tính Casio | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	86.474.586	146.094.972
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.804.364.835	1.835.660.323
Cộng	2.890.839.421	1.981.755.295

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Kiên Giang	833.630.000	18.500.000
Phòng Giáo Dục & Đào tạo huyện Vĩnh Thuận	665.352.300	198.796.990
Các khách hàng khác (*)	4.205.389.676	9.618.997.159
Cộng	5.704.371.976	9.836.294.149

(*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Cửu Long	1.338.879.965	-
Các nhà cung cấp khác	167.657.238	344.993.381
Cộng	1.506.537.203	344.993.381

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	20.876.120.048	(165.220.380)	24.372.244.409	(228.676.310)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	10.420.758.245	308.253.283	1.059.641.926	2.100.033.009	13.888.686.463
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.695.940)	-	(306.259.342)	(357.955.282)
Tại ngày 31/12/2022	10.420.758.245	256.557.343	1.059.641.926	1.793.773.667	13.530.731.181
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	5.652.752.965	308.253.283	1.059.641.926	478.577.655	7.499.225.829
Khấu hao trong năm	481.724.100	-	-	73.377.852	555.101.952
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.695.940)	-	(306.259.342)	(357.955.282)
Tại ngày 31/12/2022	6.134.477.065	256.557.343	1.059.641.926	245.696.165	7.696.372.499
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	4.768.005.280	-	-	1.621.455.354	6.389.460.634
Tại ngày 31/12/2022	4.286.281.180	-	-	1.548.077.502	5.834.358.682

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 4.286.281.180 VND đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.572.775.673 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Tại ngày 31/12/2022	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	-	120.000.000	120.000.000
Tại ngày 31/12/2021	-	120.000.000	120.000.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	1.540.000.000	-	1.540.000.000
Tại ngày 31/12/2022	1.540.000.000	-	1.540.000.000

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.11.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 120.000.000 VND.

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sách				
Thiết bị Giáo dục Đức Trí	640.639.057	640.639.057	1.309.437.946	1.309.437.946
Các đối tượng khác	5.897.060.222	5.897.060.222	7.587.215.356	7.587.215.356
Cộng	6.537.699.279	6.537.699.279	8.896.653.302	8.896.653.302

4.8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển huyện Phú Quốc	782.900.000	280.000.000
Các khách hàng khác	128.680.672	282.080.305
Cộng	911.580.672	562.080.305

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIẾN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	232.635.916	2.344.195.659	(2.314.843.270)	-	203.283.527	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.752.163	679.414.425	(518.520.738)	27.141.524	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	184.346.384	288.645.637	(208.897.653)	(312.703.980)	104.598.400	82.797.000
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	229.906.980	(8.000.000)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	-	-	-	-
Cộng	550.734.463	3.550.162.701	(3.362.965.641)	27.141.524	390.678.927	

4.10. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2022.

4.11. Vay ngắn hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang với thời hạn 12 tháng và lãi suất 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty - Xem thêm Mục 4.5 và 4.6.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIẾN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
		Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2021	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	7.471.964.484	21.566.024.484
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.988.988.885	1.988.988.885
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(258.568.556)	(258.568.556)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Tặng khác	-	-	-	5.664.618	5.664.618
Chia cổ tức	-	-	-	(2.462.120.000)	(2.462.120.000)
Tại ngày 01/01/2022	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.613.929.431	20.707.989.431
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.595.695.298	3.595.695.298
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(467.440.389)	(467.440.389)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.462.120.000)	(2.462.120.000)
Tại ngày 31/12/2022	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	7.148.064.340	21.242.124.340

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang	2.462.000.000	2.462.000.000
Công nhân viên	2.721.580.000	4.047.140.000
Đối tượng khác	7.127.020.000	5.801.460.000
Cộng	12.310.600.000	12.310.600.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	3.595.695.298	1.988.988.885
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(599.440.389)	(390.568.555)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.996.254.909	1.598.420.330
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.231.060	1.231.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.434	1.298

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 được trừ ra khi tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/NQ-ĐHCD ngày 20 tháng 05 năm 2022.

4.12.5. Cổ tức

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức đã chia trong năm	2.462.120.000	2.462.120.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu thuần về bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng	151.168.961.304	116.787.122.787
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.375.717.903)	(4.180.716.849)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(4.554.470.465)	(2.982.163.405)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.821.247.438)	(1.198.553.444)
Doanh thu thuần	144.793.243.401	112.606.405.938

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa đã bán trong năm.

5.3. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	14.347.363.843	10.258.452.310
Chi phí vật liệu, bao bì	342.363.864	320.117.408
Chi phí công cụ, dụng cụ	535.277.387	453.945.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	411.198.492	392.623.002
Thuế, phí và lệ phí	233.932.604	211.040.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.698.704.705	1.599.282.928
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	593.448.960	661.360.936
<i>Chi phí vận chuyển, bốc vác</i>	414.621.138	462.030.524
<i>Chi phí khác</i>	690.634.607	475.891.468
Chi phí bằng tiền khác	93.905.854	114.687.082
Cộng	17.662.746.749	13.350.148.732

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	3.835.224.580	2.716.800.798
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.272.795	38.771.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.903.460	143.903.460
Thuế, phí và lệ phí	22.084.970	25.273.320
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(12.107.203)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.805.383	201.482.257
Chi phí bằng tiền khác	1.098.842.523	689.848.514
<i>Chi phí tiếp khách</i>	523.608.331	180.076.526
<i>Chi phí khác</i>	575.234.192	509.771.988
Cộng	5.427.133.711	3.803.972.480

5.5. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu phí triển khai thị trường sách giáo khoa	1.494.618.378	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	33.000.000	-
Thu nhập khác	42.057.013	104.617.882
Cộng	1.569.675.391	104.617.882

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí mua hàng hóa	118.819.857.550	93.095.533.928
Chi phí nhân công	18.182.588.423	12.975.253.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	555.101.952	536.526.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.978.510.088	1.837.328.328
Chi phí khác bằng tiền	2.286.431.930	1.783.157.374
Cộng	141.822.489.943	110.227.799.200

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.275.109.723	2.196.111.063
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(40.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.275.109.723	2.156.111.063
Trong đó:	-	-
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	<i>1.756.075.200</i>	<i>1.353.333.861</i>
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động không ưu đãi</i>	<i>2.519.034.523</i>	<i>802.777.202</i>
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng cho doanh thu từ hoạt động ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông áp dụng cho doanh thu từ hoạt động không ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	679.414.425	295.888.826
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP	-	(88.766.648)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	679.414.425	207.122.178

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	24.531.511.033	31.766.843.404

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(33.074.818.152)	(21.023.536.285)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Thù lao và thu nhập	3.001.860.403	2.174.075.535

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	64.800.000	64.800.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Lâm Nhật Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh
Người lập